DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3342 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *03* ***tháng*** *11* ***năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng Kiểm nghiệm - Nhà máy Highland Dragon Foods**
Laboratory:	***Testing Laboratory - Highland Dragon Foods***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Công Ty TNHH Highland Dragon**
Organization:	***Highland Dragon Enterprise***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 1067**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Sinh**
Field:	***Biological***
Người quản lý:	**Nguyễn Thành Nhân**
Laboratory manager:	***Nguyen Thanh Nhan***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *03 / 11* **/2026 đến ngày** *02 / 11* **/2031**
Địa chỉ: *Address*:	**Số 15, Đường số 06, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam** ***No. 15, Road No. 06, Song Than 1 Industrial Park, Di An Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam***
Địa điểm: *Location:*	**Lô B2-22,25, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam** ***Lot B2-22, 25, Road No. 3, Tan Dong Hiep B Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam***
Điện thoại/ *Tel*:	**0274 354 9888**
Email:	**lab.foods@highlanddragon.com.vn**
Website:	**www.highlanddragon.com.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh
Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Mẫu bề mặt trong môi trường công nghệ chế biến thực phẩm (các nhà máy chế biến thực phẩm) Không bao gồm lấy mẫu** ***Surfaces sample in the Food chain environment (food processing factory) Not including sampling***	Định lượng tổng số vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C *Enumeration of microorganisms* *Colony-count technique at 30°C*		ISO 4833-1:2023/ Amd 1:2022
2.		Định lượng *Escherichia coli* dương tính β-glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of β-glucuronidase positive Escherichia coli* *Colony-count technique*		04-HDFs#04 (2024) (*Ref*. ISO 16649-2:2001)
3.		Định lượng staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác) trên đĩa thạch Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker *Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)* *Technique using BairdParker agar medium*		ISO 6888-1:2021/ Amd.1:2023
4.		Phát hiện *Salmonella* spp. *Detection of Salmonella* spp.	$eLOD_{50}$ 01 CFU/mẫu (*sample*)	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020
5.	**Cá và sản phẩm từ cá** ***Fish and fishery products***	Định lượng tổng số vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C *Enumeration of microorganisms* *Colony-count technique at 30°C*		ISO 4833-1:2023/ Amd 1:2022
6.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of coliforms* *Colony-count technique*		ISO 4832:2006
7.		Định lượng *Escherichia coli* dương tính β-glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of β-glucuronidase positive Escherichia coli* *Colony-count technique*		ISO 16649-2:2001

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
8.	**Cá và sản phẩm từ cá** ***Fish and fishery products***	Định lượng staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác) trên đĩa thạch Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker *Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) Technique using BairdParker agar medium*		ISO 6888-1:2021/ Amd.1:2023
9.		Phát hiện *Salmonella* spp. *Detection of Salmonella* spp.	$eLOD_{50}$ 01 CFU/ 25g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020
10.		Phát hiện *Vibrio parahaemolyticus* *Detection of Vibrio parahaemolyticus*	$eLOD_{50}$ 01 CFU/ 25g	ISO 21872-1:2017/ Amd.1:2023

Chú thích*/ Note:*

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/*Vietnamese National Standards*
- 04-HDFs: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory's developed method.*
- Ref: Phương pháp tham khảo/ *Reference method*
- ISO*:* Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- Amd: Bản bổ sung/*Amendment*
- $eLOD_{50}$: LOD_{50} ước lượng/ *estimated* LOD_{50}

Trường hợp Công Ty TNHH Highland Dragon cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công Ty TNHH Highland Dragon phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Highland Dragon Enterprise that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*